

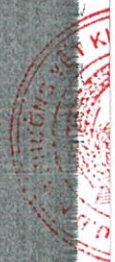


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: +84 (4) 666 42 777 Fax: +84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**



MỤC LỤC

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Doãn Văn Quang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)
Bà Vũ Thị Thủy	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)
Ông Daisuke Komoto	Ủy viên
Ông Shinijo Suga	Ủy viên
Ông Phạm Văn Phú	Ủy viên
Ông Doãn Trường Giang	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)
Bà Vũ Thị Minh Châu	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Hoa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)
Ông Đặng Châu Long	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Doãn Văn Quang	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Phạm Văn Phú	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Phạm Văn Phú	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)
Ông Đặng Châu Long	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)
Bà Vũ Thị Minh Châu	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

23
TY
HƯ
ÁN
CH
T
-T

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 

Doãn Văn Quang

Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

HÀNG
A
NHÀ
HÀ



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 124.03/2016/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Ngày 29 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Huy Hùng

Kiểm toán viên

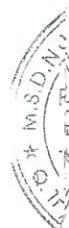
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.301.672.036	6.850.975.425
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.899.209.558	4.981.755.723
1. Tiền	111		892.392.562	1.281.755.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.006.816.996	3.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.220.460.572	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	9.220.460.572	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.369.020.903	1.040.429.622
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		72.000.000	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		140.072.500	11.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.115.891.752	988.372.971
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		41.056.651	41.056.651
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	720.764.566	497.168.208
1. Hàng tồn kho	141		720.764.566	497.168.208
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.216.437	331.621.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	92.216.437	331.621.872
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.611.174.777	94.233.515.576
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.636.750.843	66.741.852.863
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	58.636.750.843	66.741.852.863
II. Tài sản cố định	220		3.153.967.228	1.743.481.906
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.733.967.228	1.323.481.906
- Nguyên giá	222		19.222.554.344	17.432.993.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.488.587.116)	(16.109.511.378)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	420.000.000	420.000.000
- Nguyên giá	228		725.000.000	725.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(305.000.000)	(305.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.575.132	41.472.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.575.132	41.472.182
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.800.000.000	19.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	19.800.000.000	19.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.776.881.574	5.906.708.625
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	4.776.881.574	5.906.708.625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		114.912.846.813	101.084.491.001

68



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.488.484.624	29.099.524.270
I. Nợ ngắn hạn	310		9.296.242.624	8.219.399.270
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		93.140.098	5.156.863.574
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	5.426.729.194	1.450.782.303
3. Phải trả người lao động	314		1.865.771.100	883.797.679
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	1.052.588.570	99.560.070
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.251.425.782	628.395.644
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(393.412.120)	-
II. Nợ dài hạn	330		20.192.242.000	20.880.125.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11	18.604.628.000	19.327.311.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	1.587.614.000	1.552.814.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.424.362.189	71.984.966.731
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	85.424.362.189	71.984.966.731
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.507.770.716	20.110.037.933
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.379.527.313	2.337.864.638
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.379.527.313	2.337.864.638
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		114.912.846.813	101.084.491.001

Đào Thị Xuyên
Người lập biểu

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng



Doãn Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	216.752.685.663	198.358.419.615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.290.908	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	216.744.394.755	198.358.419.615
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	168.222.590.226	162.184.953.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.521.804.529	36.173.466.077
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.336.844.063	311.139.628
7. Chi phí tài chính	22		55.541.900	178.922.944
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.541.900	178.922.944
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	23.139.128.184	26.609.092.928
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	7.806.639.329	7.323.193.609
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.857.339.179	2.373.396.224
11. Thu nhập khác	31		1.453.734.549	672.591.746
12. Chi phí khác	32		33.862.874	40.580.978
13. Lợi nhuận khác	40		1.419.871.675	632.010.768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.277.210.854	3.005.406.992
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	4.337.815.396	667.542.354
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.939.395.458	2.337.864.638


Đào Thị Xuyên
Người lập biểu

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2016


Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng

Doãn Văn Quang
Tổng Giám đốc

117
CÔNG
CHÍNH
KIỂM TRA
VĂN
QUỐC
H. XUA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	22.277.210.854	3.005.406.992
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	856.709.223	708.554.537
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.404.940.708)	(587.048.719)
Chi phí lãi vay	06	55.541.900	178.922.944
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.784.521.269	3.305.835.754
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	7.776.510.739	15.747.602.042
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(223.596.358)	(75.650.575)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(3.017.282.239)	(1.404.203.579)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.369.232.486	1.531.575.198
Tiền lãi vay đã trả	14	(55.541.900)	(178.922.944)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(667.542.354)	(1.327.100.413)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.183.487.250
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(393.412.120)	(1.685.342.132)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.572.889.523	18.097.280.601
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(2.469.297.495)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	68.096.645	275.909.091
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(9.220.460.572)	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.336.844.063	302.014.992
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.284.817.359)	577.924.083
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	(150.800.000)	13.813.400.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	185.600.000	(14.569.300.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.405.418.329)	(14.336.882.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.370.618.329)	(15.092.782.370)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.917.453.835	3.582.422.314
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.981.755.723	1.399.333.409
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	16.899.209.558	4.981.755.723

Đào Thị Xuyên
Người lập biểu

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng

Doãn Văn Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700433939 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 09 tháng 07 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần với cơ cấu vốn góp như sau:

Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền đã góp đến 31/12/2015
Ông Doãn Trường Giang	418.209	13,94%	4.182.090.000
Bà Phạm Thị Hương	600.000	20,00%	6.000.000.000
Đoàn Đức Cần	450.000	15,00%	4.500.000.000
Aseed Holding Co.,Ltd	600.000	20,00%	6.000.000.000
Hirishima Lenture Capital,Ltd	340.000	11,33%	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt	50.000	1,67%	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ngân Hà	50.000	1,67%	500.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Duyên	4.750	0,16%	47.500.000
Các cổ đông khác	487.041	16,23%	4.870.410.000
Cộng	3.000.000	100%	30.000.000.000

Công ty con

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long có 01 công ty con. Cụ thể như sau

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	Hạ Long	99,00%	Sản xuất bia và nước giải khát

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 91 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 44 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, nhập khẩu mặt hàng nước giải khát có cồn và không có cồn (Bia, rượu và các loại nước giải khát khác);
- Kinh doanh dịch vụ tổng hợp;
- Nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian dưới 12 tháng

23-
TY
HUU
N V
CHIN
TE
-T.P

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. *OK*

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. *Q*

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định của Công ty là phần mềm kế toán, và quyền sử dụng đất không thời hạn. Giá trị phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các loại chai, keng đựng bia, công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành. *Chy*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

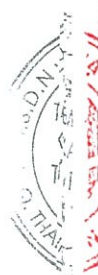
Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	163.487.587	971.926.915
Tiền gửi ngân hàng	728.904.975	309.828.808
Các khoản tương đương tiền (i)	16.006.816.996	3.700.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Quảng Ninh	9.543.437.342	3.700.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - chi nhánh Quảng Ninh	4.800.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình - chi nhánh Quảng Ninh	1.663.379.654	-
Cộng	16.899.209.558	4.981.755.723

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng gửi tại các ngân hàng, với lãi suất từ 4%/năm đến 4,8% năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	9.220.460.572	-
Cộng	9.220.460.572	-

- (i) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh, lãi suất 6,6%/năm. *Cg*

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****3. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	630.596.000	544.096.700
Phải thu khác	485.295.752	444.276.271
Cộng	1.115.891.752	988.372.971
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai (i)	58.636.750.843	66.741.852.863
Cộng	58.636.750.843	66.741.852.863

(i) Là khoản phải thu tiền bán tài sản cố định dùng để sản xuất bia.

4. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	578.962.885	578.962.885	304.628.907	304.628.907
Công cụ, dụng cụ	70.698.559	70.698.559	160.318.503	160.318.503
Hàng hoá	71.103.122	71.103.122	32.220.798	32.220.798
Cộng	720.764.566	720.764.566	497.168.208	497.168.208

5. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	92.216.437	331.621.872
Cộng	92.216.437	331.621.872
b) Dài hạn		
Các loại chai, keng đựng bia	2.898.049.873	5.688.467.833
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.878.831.701	218.240.792
Cộng	4.776.881.574	5.906.708.625

011
CÔ
CH NH
EM
VÂN
QU
XU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

i. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2015

Mua trong năm

Thanh lý, nhượng bán

Tại ngày 31/12/2015

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015

Khấu hao trong năm

Thanh lý, nhượng bán

Tại ngày 31/12/2015

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015

Tại ngày 31/12/2015

Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
881.262.992	2.741.452.762	13.722.018.117	88.259.413	17.432.993.284
-	-	2.019.600.000	247.594.545	2.267.194.545
(106.761.870)	(133.556.359)	(237.315.256)	-	(477.633.485)
774.501.122	2.607.896.403	15.504.302.861	335.853.958	19.222.554.344
411.082.603	2.741.452.762	12.883.811.047	73.164.966	16.109.511.378
24.281.112	-	809.180.286	23.247.825	856.709.223
(106.761.870)	(133.556.359)	(237.315.256)	-	(477.633.485)
328.601.845	2.607.896.403	13.455.676.077	96.412.791	16.488.587.116
470.180.389	-	838.207.070	15.094.447	1.323.481.906
445.899.277	-	2.048.626.784	239.441.167	2.733.967.228

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	420.000.000	305.000.000	725.000.000
Tại ngày 31/12/2015	420.000.000	305.000.000	725.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	305.000.000	305.000.000
Tại ngày 31/12/2015	-	305.000.000	305.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	420.000.000	-	420.000.000
Tại ngày 31/12/2015	420.000.000	-	420.000.000

CS.

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai (*)	19.800.000.000	-	-	19.800.000.000
Cộng	19.800.000.000	-	-	19.800.000.000

*) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên do công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC.

Chi tiết đầu tư vào Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai	Quảng Ninh	99,00%	Sản xuất Bia và Nước giải khát

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	928.489.575	736.032.223	297.026.502	489.483.854
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.337.815.396	4.337.815.396	667.542.354	667.542.354
Thuế thu nhập cá nhân	160.424.223	169.792.248	303.124.120	293.756.095
Cộng	5.426.729.194	5.243.639.867	1.267.692.976	1.450.782.303

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước lãi vay phải trả cán bộ, công nhân viên	3.988.570	3.988.570
Chi phí sửa chữa xe ô tô	-	59.455.500
Chi phí phải trả cơm công nghiệp	-	36.116.000
Chi phí thưởng cho các đại lý	1.048.600.000	-
Cộng	1.052.588.570	99.560.070

11. Các khoản phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	20.133.955	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.024.332
Các khoản phải trả khác	1.231.291.827	626.371.312
Cộng	1.251.425.782	628.395.644
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	18.604.628.000	19.327.311.000
Cộng	18.604.628.000	19.327.311.000

(i) Các khoản nhận ký quỹ của các đại lý bán bia.

ÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG
 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ác Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015		Thay đổi		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân	1.587.614.000	1.587.614.000	150.800.000	185.600.000	1.552.814.000	1.552.814.000
Cộng	1.587.614.000	1.587.614.000	150.800.000	185.600.000	1.552.814.000	1.552.814.000

Các khoản vay của Cán bộ nhân viên trong Công ty với thời hạn vay trên 1 năm, lãi suất cho vay là 3,6% một năm. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

HUYỆT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	30.000.000.000	19.537.064.160	593.942.963	30.016.094.970	4.375.837.561	84.522.939.654
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	2.337.864.638	2.337.864.638
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(475.837.561)	(475.837.561)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(10.500.000.000)	-	(10.500.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	30.000.000.000	19.537.064.160	593.942.963	19.516.094.970	2.337.864.638	71.984.966.731
Phân loại lại thông tư 200/2014/TT-BTC	-	-	(593.942.963)	593.942.963	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	30.000.000.000	19.537.064.160	-	20.110.037.933	2.337.864.638	71.984.966.731
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	17.939.395.458	17.939.395.458
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	397.732.783	(397.732.783)	-
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	30.000.000.000	19.537.064.160	-	20.507.770.716	15.379.527.313	85.424.362.189

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015 số 142/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	31/12/2015 Cổ phần	01/01/2015 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán bia	216.752.685.663	198.358.419.615
Cộng	216.752.685.663	198.358.419.615
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu hàng bán	8.290.908	-
Cộng	8.290.908	-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	216.744.394.755	198.358.419.615

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán bia	168.222.590.226	162.184.953.538
Cộng	168.222.590.226	162.184.953.538

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	776.975.918	311.139.628
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.559.868.145	-
Cộng	3.336.844.063	311.139.628

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.519.525.727	4.854.858.998
Chi phí nhân công	8.970.792.661	9.464.504.000
Các khoản chi phí khác	7.648.809.796	12.289.729.930
Cộng	23.139.128.184	26.609.092.928
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	3.817.655.378	4.489.248.006
Các khoản chi phí khác	3.988.983.951	2.833.945.603
Cộng	7.806.639.329	7.323.193.609

5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.337.815.396	667.542.354
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.337.815.396	667.542.354

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.870.411.751	4.938.770.775
Chi phí nhân công	11.087.062.302	13.953.752.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	856.709.223	708.554.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.208.076	239.279.904
Chi phí khác bằng tiền	12.318.972.519	14.091.929.315
Cộng	31.169.363.871	33.932.286.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.899.209.558	4.981.755.723
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.824.642.595	67.730.225.834
Cộng	85.944.312.725	72.711.981.557
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.587.614.000	1.552.814.000
Phải trả người bán và phải trả khác	19.949.193.880	25.112.570.218
Chi phí phải trả	1.052.588.570	99.560.070
Cộng	22.589.396.450	26.764.944.288

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Phải thu của khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền	892.392.562	-	892.392.562
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.187.891.752	58.636.750.843	59.824.642.595
Đầu tư ngắn hạn	9.220.460.572	-	9.220.460.572
Cộng	11.300.744.886	58.636.750.843	69.937.495.729
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	1.587.614.000	1.587.614.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.344.565.880	18.604.628.000	19.949.193.880
Chi phí phải trả	1.052.588.570	-	1.052.588.570
Cộng	2.397.154.450	20.192.242.000	22.589.396.450
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.903.590.436	38.444.508.843	47.348.099.279



CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Tiền	1.281.755.723	-	1.281.755.723
Phải thu khách hàng và phải thu khác	988.372.971	66.741.852.863	67.730.225.834
Cộng	2.270.128.694	66.741.852.863	69.011.981.557
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.785.259.218	19.327.311.000	25.112.570.218
Chi phí phải trả	99.560.070	-	99.560.070
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	1.552.814.000	1.552.814.000
Cộng	5.884.819.288	20.880.125.000	26.764.944.288
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.614.690.594)	45.861.727.863	42.247.037.269

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan như sau:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Mua hàng		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	112.174.315.029	108.133.729.565
Cộng	112.174.315.029	108.133.729.565
Mua điện		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	499.351.129	368.327.365
Cộng	499.351.129	368.327.365
Cổ tức nhận được trong năm		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	2.559.868.145	-
Cộng	2.559.868.145	-

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khác		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	58.636.750.843	66.972.322.863
Cộng	<u>58.636.750.843</u>	<u>66.972.322.863</u>

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2015:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương và các khoản thưởng	376.691.881	372.673.500
Cộng	<u>376.691.881</u>	<u>372.673.500</u>

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính. *CS*

T. H. H. K. I. O.

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Số liệu trình bày tại 31/12/2014 (Quyết định 15)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2015 (Thông tư 200)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	6.850.975.425	-	100	6.850.975.425
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	455.276.271	585.153.351	130	1.040.429.622
1. Các khoản phải thu khác	135	444.276.271	544.096.700	135	988.372.971
2. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	41.056.651	139	41.056.651
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	916.775.223	(585.153.351)	150	331.621.872
1. Tài sản ngắn hạn khác	151	585.153.351	(585.153.351)	151	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	94.233.515.576	-	200	94.233.515.576
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	66.741.852.863	-	210	66.741.852.863
1. Phải thu dài hạn nội bộ	216	66.741.852.863	-	216	66.741.852.863
II. Tài sản cố định	220	1.784.954.088	(41.472.182)	240	1.743.481.906
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	221	41.472.182	(41.472.182)	221	-
III. Tài sản dở dang dài hạn			41.472.182	260	41.472.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	261	-	41.472.182	261	41.472.182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	101.084.491.001	-	270	101.084.491.001

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNHNgày: **17 -11- 2016**Số: **5583** / **Quyết định**Đào Thị Xuyên
Người lập biểu

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCHDoãn Văn Quang
Tổng Giám đốc